TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Mỹ, ngày 23 tháng 12 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ vào Điều 149, 150, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 90 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 504/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Anh Trần Quốc Đ, sinh năm: 1977

HKTT: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Ấp 11, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

2. Chị Trần Thị X, sinh năm: 1980

HKTT và nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Trần Quốc Đ và chị Trần Thị X cùng nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên quan hệ pháp luật thụ lý giải quyết là "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Người yêu cầu là chị Trần Thị X có nơi cư trú tại ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của anh Trần Quốc Đ và chị Trần Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về nội dung việc dân sự:

- Quan hệ hôn nhân: anh Trần Quốc Đ và chị Trần Thị X tự nguyện tiến đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện C, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 12/11/2010. Hôn nhân giữa hai người là

hợp pháp. Sau khi kết hôn về chung sống đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, đồng thời vợ chồng hiếm muộn con nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và vợ chồng số ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án hòa giải để đoàn tụ nhưng cả anh Trần Quốc Đ và chị Trần Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Đ và chị X khai không có, nên không yêu cầu.

- Về lệ phí: anh Trần Quốc Đ và chị Trần Thị X phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc Đ và chị Trần Thị X.

- Về con chung: không có, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có và không có ai yêu cầu, nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quốc Đ và chị Trần Thị X phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009030 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Anh Đ và chị X đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã T, h Cẩm Mỹ
(Số: 68 ngày 12/11/2010);
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thùy Trang